

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ÁNH DƯƠNG

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ÁNH DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 3703272933

3. Ngày thành lập: 12/12/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

109/7/9 Đường Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0984305930

Fax:

Email: anhduongeme@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ kinh doanh dược phẩm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4649     |
| 2.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch dây điện (Hệ thống nguồn UPS, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>trang thiết bị- vật tư ngành nước.<br>Bán buôn thiết bị văn phòng, vật tư thiết bị ngành công nghiệp.<br>Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp.<br>Bán buôn vật tư, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ cứu nạn. | 4659     |
| 3.  | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng<br>Chi tiết: Sản xuất nước uống đóng bình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1104     |
| 4.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>Chi tiết: Gia công bồn, bể, máy móc bằng kim loại (Không hoạt động tạm trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2592     |
| 5.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất sản phẩm bằng kim loại (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2599     |
| 6.  | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7830     |
| 7.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>(trừ tái chế phế thải, xi mạ tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3312     |
| 8.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3314     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                            | 3700(Chính) |
| 10. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                        | 4101        |
| 11. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                 | 4221        |
| 12. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                      | 4222        |
| 13. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                               | 4299        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                        | 4312        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: -Lắp đặt, sửa chữa và bảo trì hệ thống điện công nghiệp, tự động hóa và dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải xi mạ điện tại trụ sở)<br>- Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy   | 4321        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>(trừ lắp các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực vhees biết thủy hải sản. | 4322        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên       | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                     | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ XUÂN DIỆU | Việt Nam  | 109/7/9 Đường Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam | 600.000.000           | 30,000    | 052191002862                                                                                            |         |
| 2   | NGÔ HỒNG DUYÊN       | Việt Nam  | 109/7/9 Đường Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam | 1.400.000.000         | 70,000    | 052086001931                                                                                            |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ XUÂN DIỆU

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/12/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 052191002862

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính  
về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 109/7/9 Đường Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố  
Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 109/7/9 Đường Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ  
An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương